

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **257/2022/HN-ST**

Ngày: 20/6/2022

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Nguyễn Văn Vui**

+ Ông **Huỳnh Thanh Minh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 10/2022/TLST-HN ngày 07/01/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **DƯƠNG THỊ D**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã, huyện G, tỉnh T(xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **TRẦN VĂN L**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị D trình bày:* Chị và anh L cưới nhau vào năm 1996 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước vào năm 2003. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh L nhiều lần đánh đập chị và đập phá tài sản trong gia đình. Chị và anh L sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến

nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Có 04 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày xxxx; Trần Thị Mỹ H, sinh ngày xxxx; Trần Minh T, sinh ngày xxxx và Trần Thị Mỹ T, sinh ngày xxxx. Khi ly hôn do cháu P, H và T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T thì chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có

\* Bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị D yêu cầu ly hôn với anh L và giao con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 11/7/2005 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D và anh L tự nguyện cưới nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước vào năm 2003. Nay chị D xin ly hôn với anh L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn anh Trần Văn L trú tại địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Dương Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh L theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D yêu cầu xin ly hôn với anh L do quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh L nhiều lần đánh đập chị D và đập phá tài sản trong gia

đình. Chị D và anh L có thời gian ly thân từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân chị D và anh L đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh Trần Văn L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh L vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị D, chứng tỏ anh L không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày xxxx; Trần Thị Mỹ H, sinh ngày xxxx; Trần Minh T sinh ngày xxxx và Trần Thị Mỹ T, sinh ngày xxxx. Khi ly hôn do cháu P, H và T đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 11/7/2005 thì chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T là bé gái hiện đang sống ổn định với chị D và anh L cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu được nuôi con của chị D nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị D trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị D.**

**[1] Về hôn nhân:** chị Dương Thị D được ly hôn với anh Trần Văn L.

**[2] Về con chung:** giao con chung tên Trần Thị Mỹ T, sinh ngày 11/7/2005 cho chị Dương Thị D tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh L có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác

**[3] Về án phí:** chị Dương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007514 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị D đã nộp xong án phí.

**Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.**

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

\* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Văn Nguyên**